TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 03/03/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Phúc Tuyên; bà Tưởng Thị Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 28/11/2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS, ngày 31/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 16/02/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Quảng B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Phố T, xã Vinh Q, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1982; chị Ngô Hoài V, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Phố T, xã Vinh Q, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Anh K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị V vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Lưu Quảng B trình bày: Từ ngày 23/10/2017 đến ngày 21/12/2017 vợ chồng anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có mua nợ vật liệu xây dựng của anh gồm sắt, thép, xi măng để làm nhà. Tổng số tiền anh K và chị V nợ anh là 58.504.000 đồng, khi mua vật liệu anh K có ký nhận nợ, hẹn khoảng 01 đến 02 tháng thì anh K trả tiền cho anh. Nhưng sau đó đến hơn 01 năm sau vợ chồng anh K không trả tiền cho anh, dù anh đã đòi nhiều lần. Đến ngày 03/02/2019, anh đến nhà anh K đòi tiền, thì anh K khất nợ, anh K

có viết giấy khất nợ, hẹn sau một năm sẽ trả hết nợ, do nợ lâu chưa trả được tiền nên anh K thỏa thuận thống nhất là sẽ trả lãi cho anh 1%/tháng. Tính đến ngày 05/12/2020 vợ chồng anh K đã trả cho anh được 19.000.000 đồng tiền lãi, sau đó anh K không trả cho anh được số tiền nào nữa.

Do vậy anh làm đơn khởi kiện yêu cầu anh K và chị V phải trả cho anh số tiền gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng tính từ ngày 21/12/2017 đến ngày 21/11/2022 = 34.517.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, tiền lãi còn lại là 15.517.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi anh yêu cầu vợ chồng anh K, chị V trả là 74.021.000 đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V trình bày: Khoảng tháng 02 đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng anh chị có mua vật tư xây dựng gồm sắt, thép, xi măng của anh Lưu Quảng B để làm nhà. Tổng số tiền vợ chồng anh chị nợ tiền vật liệu xây dựng của anh B là 58.504.000 đồng, anh K được ký nhận giấy tờ nợ và hẹn khoảng 01 đến 02 tháng sau trả cho anh B. Do vợ chồng anh chị vừa xây nhà xong nên không có tiền thanh toán cho anh B. Sau đó vào ngày 03/02/2019 anh B đến đòi tiền, do chưa có tiền trả nợ, vợ chồng anh chị đã viết tay tờ giấy nợ với nội dung số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 30/02/2018, chốt tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/02/2019 là 65.039.000 đồng. Vợ chồng anh chị xác định số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ gốc là 58.504.000 đồng, lãi suất 1%/tháng đúng thực tế, vợ chồng anh chị đã trả cho anh B được 19.000.000 đồng tiền lãi trong năm 2020. Ngoài số tiền trên vợ chồng anh chị chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi còn lại. Nay anh B yêu cầu anh chị phải trả số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng, tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 21/12/2017 đến 21/11/2022 là 34.517.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, tiền lãi còn lại là 15.517.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi anh B yêu cầu anh chị phải trả là 74.021.000 đồng, anh chị nhất trí.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng anh K và chị V đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không gửi, nộp ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, do đó không tiến hành phiên hoà giải được. Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lưu Quảng B vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh yêu cầu anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V phải trả cho anh số tiền gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày vợ chồng anh K và chị V thống nhất tính lãi với anh từ ngày 30/02/2018, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, anh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/3/2023 là 60 tháng 03 ngày, tính tròn là 60 tháng = 29.134.992 đồng, trừ số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, tiền lãi còn lại là 10.134.992 đồng. Tổng cả gốc và lãi anh yêu cầu vợ chồng anh K, chị V phải trả là 68.638.992 đồng.

Anh Lê Văn K vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh nhất trí vợ chồng anh trả cho anh B số tiền gốc là 58.504.000 đồng và số tiền đã thỏa

thuận theo giấy nợ tiền, lãi tính từ ngày 30/02/2018 đến ngày xét xử, trừ đi số tiền lãi vợ chồng anh đã trả được 19.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chị Ngô Hoài V không chấp hành đúng, anh Lê Văn K chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 290, 430, 431, 433, 440 và 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Quảng B;

Buộc anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Quảng B số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi còn lại là 10.134.992 đồng. Tổng cả gốc và lãi anh K, chị V phải trả là 68.638.992 đồng.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Anh Lưu Quảng B khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V cư trú tại thôn Phố T, xã Vinh Q, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang trả số tiền mua vật liệu xây dựng. Xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn anh Lưu Quảng B và bị đơn anh Lê Văn K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Ngô Hoài V vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Anh Lưu Quảng B yêu cầu anh vợ chồng anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Quảng B số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi còn lại là 10.134.992 đồng, tổng cả gốc và lãi anh B yêu cầu vợ chồng anh K, chị V phải trả là 68.638.992 đồng.

Căn cứ vào giấy nợ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, có đủ cơ sở xác định từ ngày 23/10/2017 đến ngày 21/12/2017 anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có mua nợ vật liệu xây dựng của anh Lưu Quảng B gồm xi măng, cát sỏi, gạch ốp lát, điện nước để làm nhà. Tổng số tiền anh K và chị V nợ anh B là 58.504.000 đồng, khi mua vật liệu anh K có ký nhận nợ, hẹn khoảng 01 đến 02 tháng thì anh K, chị V trả tiền cho anh B. Nhưng đến hơn 01 năm sau anh K, chị V không trả tiền cho anh B, dù anh B đã đòi nhiều lần. Đến ngày 03/02/2019, anh B đến nhà anh K đòi tiền, thì anh K khất nợ, do nợ lâu không trả được tiền nên anh B và anh K, chị V thỏa thuận thống nhất trả lãi cho anh B là 1%/tháng, tính lãi từ ngày 30/02/2018, hai bên viết giấy nợ, anh K ký nhận nợ. Tính đến năm 2020, anh K và chị V đã trả cho anh B được số tiền lãi là 19.000.000 đồng, sau đó anh K và chị V không trả cho anh B được số tiền nào nữa.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh B yêu cầu anh K và chị V phải trả cho anh B số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày anh K và chị V thống nhất tính lãi với anh B từ ngày 30/02/2018, anh B yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Anh B tính lãi từ ngày 30/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/3/2023 là 60 tháng 03 ngày, tính tròn là 60 tháng = 29.134.992 đồng, trừ đi số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, tiền lãi còn lại là 10.134.992 đồng, tổng cả gốc và lãi anh B yêu cầu vợ chồng anh K, chị V phải trả là 68.638.992 đồng. Anh K nhất trí trả cho anh B số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi đã thỏa thuận theo giấy nợ tiền, lãi tính từ ngày 30/02/2018 đến ngày xét xử, trừ đi số tiền lãi vợ chồng anh đã trả được 19.000.000 đồng.

Như vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Quảng B. Buộc anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Quảng B số tiền nợ gốc là 58.504.000 đồng và số tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 30/02/2018 đến ngày 03/3/2023, tính tròn là 60 tháng = 58.504.000 đồng x 0,83%/tháng x 60 tháng = 29.134.992 đồng, trừ đi số tiền lãi anh K và chị V đã trả là 19.000.000 đồng = 10.134.992 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi anh K và chị V phải trả cho anh B là 68.638.992 đồng.

[3]. Về án phí: Anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 290, 430, 431, 433, 440, 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Quảng B.

Buộc anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lưu Quảng B tổng số tiền là 68.638.992đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 58.504.000đ (Năm mươi tám triệu năm trăm linh bốn nghìn đồng), tiền lãi là 10.134.992đ (Mười triệu một trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

[2]. Về án phí: Anh Lê Văn K và chị Ngô Hoài V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.431.900đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm đồng), chia ra anh Lê Văn K phải nộp 1.715.950đ (Một triệu bảy trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng), chị Ngô Hoài V phải nộp 1.715.950đ (Một triệu bảy trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Anh Lưu Quảng B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.850.500đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số AA/2021/0006037 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Phúc Tuyên **Tưởng Thị Thu** **Hoàng Mạnh Tuấn**